

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2020/DSPT**
Ngày 06 - 5 - 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
giao nhận khoán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr;

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Đinh Thị Tuyết.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐ-PT ngày 16/3/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 308/2020/TB-TA ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty A;

Trụ sở: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc T – Chức vụ: Giám đốc Công ty, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Hà Văn L - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty, có mặt;

- Ông Võ Khắc O - Trưởng phòng kế hoạch nông nghiệp, có mặt;

- Ông Trần Văn Đ – Đội trưởng đội 9, có mặt.

*** Bị đơn:** 1. Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1988, vắng mặt;

2. Ông Lê Duy T, sinh năm 1964, có mặt;

Đều trú tại: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Anh Đ và ông Lê Duy T: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1968 (Giấy ủy quyền ghi ngày 10/02/2020);

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời ông Lê Duy T cũng là người đại diện ủy quyền của ông Lê Duy Đ, đều có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 (Vợ ông Lê Duy T),
Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- Tổng Công ty B: (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Lê Duy T kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty A và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:**

Năm 2011 Công ty A có ký hợp đồng thuê khoán ký với ông Lê Anh Đ (con ông Lê Duy T) tại thôn 8, xã C có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, diện tích nhận khoán là 3.678m² đất trồng lúa ruộng. Đến tháng 9/2015, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty B về việc tiếp tục áp dụng phương án khoán từ năm 2011 - 2015 kéo dài thêm 02 năm từ năm 2016 – 2017 với lý do: Tổng công ty đang triển khai sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước theo chỉ đạo chủ Chính phủ nên hợp đồng năm 2011 - 2015 của ông Đ được kéo dài thêm 02 năm là năm 2016 – 2017 theo quy định của Tổng công ty, tại thời điểm để ký phụ lục hợp đồng kéo dài thêm 02 năm là năm 2016 - 2017 do ông Đ đã chấm dứt hợp đồng lao động, không tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, ông Lê Anh Đ không phối hợp với Công ty A để giải quyết việc chuyển từ hợp đồng đóng bảo hiểm xã hội sang hợp đồng nhận khoán không tham gia bảo hiểm xã hội. Trên thực tế do đơn vị quản lý báo cáo lại là ông Lê Duy T (bố đẻ của ông Lê Anh Đ) là người đóng sản lượng đầy đủ nên theo chủ trương của Công ty A hợp đồng khoán là khoán với hộ gia đình. Do vậy, khi triển khai ký phụ lục hợp đồng của năm 2016 – 2017 Công ty đồng ý để cho ông Lê Duy T được quyền kế thừa và đứng tên ký trong phụ lục hợp đồng năm 2016 – 2017, đồng thời phụ lục hợp đồng này là điều khoản không thể tách rời của hợp đồng đã ký kết năm 2011 – 2015, sản lượng trong hợp đồng là quy định thực tế là 310kg thóc khô/mùa vụ nhưng sau khi ông Lê Anh Đ đã chấm dứt hợp đồng lao động chuyển sang hợp đồng thuê khoán nên sản lượng phải cao hơn đối với người lao động có ký hợp đồng lao động. Sau khi ký phụ lục hợp đồng giao khoán ông Lê Duy T không đóng sản lượng năm 2016 – 2017.

Do đó, Công ty A khởi kiện yêu cầu ông T phải nộp sản phẩm giao khoán vụ đông xuân 2016 – 2017 với sản lượng là 318 kg thóc khô (lúa); sản phẩm giao khoán vụ mùa 2017 sản lượng là 349 kg thóc khô (lúa) và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, tổng cộng yêu cầu thanh toán cả hai vụ quy ra bằng tiền là 4.065.600 đồng (gốc) và tiền lãi 281.532 đồng. Ngoài ra, Công ty buộc ông Lê Duy T, ông Lê Anh Đ có trách nhiệm trả lại diện tích lúa nước đã nhận khoán với Công ty là 3.678m² thuộc tờ bản đồ số 85, thửa đất số 14, 16, 19, 21.

Ngày 15/10/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm Công ty A đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T phải trả sản lượng hai mùa vụ năm 2016- 2017 và lãi suất phát sinh, Công ty A chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết là chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán với ông Lê Anh Đ ngày 10/8/2011 và

phụ lục hợp đồng đã ký với hộ ông Lê Duy T ngày 01/4/2016; buộc ông Đ, ông T phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán là 3.6780m².

*** Quá trình tham gia tổ tụng, bị đơn ông Lê Duy T trình bày:**

Năm 2011 ông Lê Anh Đ (con trai của ông Lê Duy T) có ký hợp đồng giao khoán đúng như lời trình bày của Nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, ông Lê Anh Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp sản lượng thuê khoán như trong hợp đồng. Sau khi hết hạn hợp đồng là ngày 31/12/2015 thì ông Lê Duy T có ký phụ lục hợp đồng kéo dài thời hạn thêm 02 năm, ngày ký phụ lục hợp đồng này là ngày 01/4/2016. Sau khi ký phụ lục hợp đồng, ông T có đóng sản lượng khoán vụ mùa năm 2016. Đến cuối năm 2016 do ông T thấy các khoản thu sản của Công ty A không đúng và có yêu cầu Công ty A giải thích, bóc tách cụ thể từng khoản nhưng Công ty A không bóc tách được nên gia đình ông T không đóng sản lượng thuê khoán. Ông T khẳng định gia đình ông không nợ sản lượng thóc của Công ty A và yêu cầu Công ty A trừ đi những khoản không thuộc nghĩa vụ phải đóng góp cụ thể là khoản khấu hao đồng ruộng 642kg thóc khô/ha/01 năm; khấu hao tài sản cố định khác là 531kg/ha/01 năm; thu sử dụng vốn ngân sách 186kg/ha/năm; tiền thuê đất 42kg/ha/01 năm; dự phòng mất việc làm 91kg/ha/01 năm; bảo hộ lao động 63kg/ha/01 năm; lãi vay bình quân 243kg/ha/01 năm; hợp đồng lao động đóng bảo hiểm xã hội lại đóng sản lượng thấp hơn người không tham gia đóng bảo hiểm xã hội và yêu cầu Công ty A phải trừ những khoản thu bất hợp lý nêu trên thì sau đó gia đình ông sẽ nộp sản lượng giao khoán. Trong hợp đồng thu 310kg/vụ nhưng thực tế 349kg/vụ là công ty A đã vi phạm nghĩa vụ đối với người nhận khoán. Công ty A cho rằng ông Lê Anh Đ khi chấm dứt hợp đồng lao động thì Công ty A phải có Thông báo cho ông Đ để ông Đ đến Công ty A ký lại hợp đồng thuê khoán nên ý kiến này của Công ty A ông Lê Duy T không đồng ý. Đối với phụ lục hợp đồng đứng hộ gia đình là không chính xác, vì phụ lục hợp đồng này là điều khoản không thể tách rời của hợp đồng đã ký kết năm 2011 – 2015 nên phụ lục hợp đồng và hợp đồng có sự không đồng nhất, phụ lục hợp đồng chỉ bổ sung thêm thời hạn của hợp đồng, chứ không có điều khoản bổ sung thêm về chủ thể của hợp đồng. Hiện nay, ông T đang canh tác trên phần diện tích ruộng lúa của ông Lê Anh Đ, thực tế ông T chỉ là người làm thuê cho ông Lê Anh Đ. Do vậy, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Lê Anh Đ có ý kiến trình bày tại bản tự khai:

Ngày 10/8/2011 ông Đ có ký hợp đồng thuê nhận khoán để sử dụng đất trồng cây hàng năm với Công ty A và ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty A vì hợp đồng thuê khoán đã trong ký giai đoạn 2011 – 2015 thì ông Đ không vi phạm hợp đồng nên đề nghị Công ty A phải làm rõ việc khởi kiện của Công ty liên quan đến ông Đ nội dung gì. Ngoài ra ông Đ không trình bày gì thêm.

- Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị S (vợ ông Lê Duy T) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S hoàn toàn đồng ý với ý kiến trình bày của ông Lê Duy T.

- Ý kiến của Tổng công ty B: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tổng công ty B có Công văn 291/TCT-ĐMDNTTr ngày 05/5/2020 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 165 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 501; Điều 502; Điều 503; Điều 506; Điều 511 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 1, 4 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công A.

- Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty A với ông Lê Anh Đ, lập ngày 10/8/2011 và phụ lục hợp đồng giao – nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hằng năm với hộ ông Lê Duy T, lập ngày 01/4/2016.

Buộc ông Lê Anh Đ, hộ ông Lê Duy T phải trả cho Công A diện tích đất nhận khoán là 3.678m², tại tờ bản đồ số 85, thửa đất số 14,16, 19, 21 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hiện trên diện tích đất này không có tài sản gì, thửa đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đất ông Trần Văn G dài 109,7m; phía Nam giáp ông Nguyễn Đình C dài 112,4m; phía Tây giáp nương nước 721 dài 36.9m; phía Đông giáp nương nước do các hộ dân tự làm dài 33,5m.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu hộ ông Lê Duy T phải nộp vụ đông xuân 2016 – 2017 sản lượng là 318 kg thóc và sản phẩm giao khoán vụ mùa 2017 sản lượng là 349 kg thóc và lãi suất phát sinh khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/11/2019, ông Lê Duy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn (ông Lê Anh Đ không kháng cáo).

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn; Các bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Do đơn kháng cáo của ông Lê Duy T không có căn cứ nên không có cơ sở

để chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Công ty A khởi kiện yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng giao nhận khoán và buộc ông Lê Anh Đ, hộ ông Lê Duy T trả lại diện tích đất đã nhận khoán 3.678m² thuộc tờ bản đồ số 85, thửa đất số 14, 16, 19, 21 tại thôn b, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho Công ty A. Còn đối với nội dung đơn khởi kiện của Công ty A yêu cầu hộ ông Lê Duy T phải nộp sản lượng vụ Đông Xuân 2016 – 2017 là 318 kg thóc khô và sản lượng giao khoán vụ mùa 2017 là 349 kg thóc khô và lãi suất phát sinh khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán do Công ty A đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Duy T, thì thấy:

Ngày 10/8/2011, Công ty A có ký hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm (Áp dụng đối với người nhận khoán tham gia bảo hiểm xã hội) số 35/2/2011/HĐGNK với bên nhận khoán là ông Lê Anh Đ (là con của ông Lê Duy T) với diện tích nhận khoán là 3.678m², tổng sản lượng phải giao nộp là 310kg thóc khô/vụ; thời hạn của hợp đồng là kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2015. Hợp đồng giao nhận khoán nêu trên đã được các bên cam kết thực hiện, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo Đ xã hội, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, đồng thời ông Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng này nhưng trong thực tế ông Lê Duy T (bố ông Đ) là người canh tác sản xuất đất ruộng nêu trên và đóng sản lượng cho Công ty, vì ngày 03/7/2012 ông Đ có Đơn đề nghị gửi Công ty A về việc xin chuyển lại toàn bộ diện tích đất trồng cà phê và lúa ruộng cho bố là Lê Duy T quản lý, canh tác, sản xuất và đóng sản lượng cho Công ty. Để ông Đ đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng kỳ khoán năm 2011 – 2015, thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty B “Về việc tiếp tục áp dụng nội dung phương án khoán sản xuất nông nghiệp giai đoạn năm 2011 – 2015 thêm 02 năm (tức là kéo dài 2 năm kế tiếp năm 2016 và năm 2017)”, Công ty A đã xây dựng phương án khoán kéo dài thêm 02 năm nữa và đã được Hội nghị đại biểu người lao động của Công ty A thông qua và được Tổng công ty B ra Quyết định phê duyệt phương án. Căn cứ vào phương án được phê duyệt, ngày 01/4/2016 Công ty A đã ban hành Phụ lục hợp đồng số 35/2/2016/PLHĐ “Về việc giao – nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm (Áp dụng đối với người nhận khoán tham gia và không tham gia bảo hiểm xã hội)” và tại Điều 3 của phụ lục hợp đồng có nêu rõ: “Phụ lục này là một

phần không thể tách rời của hợp đồng số 35/2/2011/HĐGNK đã ký ngày 10/8/2011 với ông Lê Anh Đ”. Sau đó ông Lê Duy T (là bố đẻ của ông Lê Anh Đ) đã ký phụ lục hợp đồng này. Sau khi ký phụ lục hợp đồng, hộ ông Lê Duy T tiếp tục canh tác, sản xuất trên diện tích đất 3.678m² thuộc tờ bản đồ số 85, thửa đất số 14, 16, 19, 21 tại thôn B, xã C, huyện E mà ông Lê Anh Đ đã ký với Công ty A vào ngày 10/8/2011 và vụ mùa năm 2016 hộ ông T đã nộp sản lượng đầy đủ. Theo hợp đồng thì vụ mùa năm 2016 và vụ đông xuân 2016 – 2017 sản lượng thóc khô hộ ông T có nghĩa vụ phải nộp cho Công ty A là 318 kg, vụ mùa 2017 phải nộp là 349 kg nhưng hộ ông Lê Duy T không nộp sản lượng cho Công ty A với hai mùa vụ liên tiếp là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Còn lý do ông T cho rằng vì Công ty A thu không đúng quy định, không bóc tách từng khoản thu cụ thể nên không chịu nộp sản lượng là không đúng với cam kết trong hợp đồng.

Tại mục 2.9 khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm mà các bên đã ký kết có ghi rõ về các trường hợp chấm dứt thực hiện và thanh lý hợp đồng giao, nhận khoán, cụ thể: *“Bên nhận khoán không nộp đúng, đủ sản lượng giao khoán hai mùa vụ (tính lũy kế, trừ trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, ...được bên A quyết định cho giảm sản lượng định mức nộp khoán) hoặc không thanh toán đúng, đủ các khoản bên A đã đầu tư, cung ứng dịch vụ cho bên B theo phương thức, thời gian thanh toán được quy định”*.

Mặt khác, thời hạn của hợp đồng được ký kết giữa các bên đã hết thời hạn vào ngày 31/12/2017, về nguyên tắc nếu các bên không tiếp tục ký hợp đồng mới thì phải thanh lý hợp đồng. Do đó, Công ty A đã căn cứ vào mục khoản 2.7 khoản 2 Điều 4; mục 1.8 khoản 1 Điều 5 của hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết để yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng là có cơ sở.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty A tuyên bố chấm dứt việc thực hiện hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 35/2/2011/HĐGNK đã ký giữa Công ty A và ông Lê Anh Đ vào ngày 10/8/2011 và Phụ lục hợp đồng về việc giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 35/2/2016/PLHĐ đã ký giữa Công ty A với hộ ông Lê Duy T vào ngày 01/4/2016 và buộc trả lại diện tích đất nhận khoán này là có căn cứ.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Anh Đ, hộ ông Lê Duy T phải trả lại cho Công ty A toàn bộ diện tích đất đã nhận khoán là 3.678m² là không chính xác và khó thi hành án sau này mà cần phải tuyên buộc cụ thể là ông Lê Anh Đ, ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị S (vợ ông T) trả lại Công ty A mới chính xác và đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn, bị đơn đều xác định là mùa vụ lúa vừa thu hoạch xong nên toàn bộ diện tích đất ruộng 3.678m² hiện nay đang là đất trống. Do buộc bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn nên kể từ mùa vụ sau trở đi ông Lê Anh Đ (hiện nay ông Đ vẫn đang chung sống với bố mẹ), ông Lê Duy T, bà Nguyễn Thị S không được canh tác, sản xuất trên thửa đất đó nữa.

[3]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết đơn phản tố của

ông Lê Duy T theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng với quy định của pháp luật, vì trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn chưa cung cấp chứng cứ, tài liệu, không bổ sung nội dung đơn và Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản giải thích rõ cho phía bị đơn và có Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn mới cung cấp chứng cứ, tài liệu. Do vậy, bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có đầy đủ chứng cứ và có yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên thì thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Duy T;

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

- Chấm dứt việc thực hiện hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 35/2/2011/HĐGNK đã ký vào ngày 10/8/2011 giữa Công ty A với ông Lê Anh Đ và Phụ lục hợp đồng về việc giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 35/2/2016/PLHĐ đã ký vào ngày 01/4/2016 giữa Công ty A với hộ ông Lê Duy T;

- Buộc ông Lê Anh Đ, ông Lê Duy T, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ phải trả lại cho Công ty A toàn bộ diện tích đất đã nhận khoán là 3.678m², tại tờ bản đồ số 85, thửa đất số 14,16, 19, 21 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Hiện nay trên diện tích đất này không có tài sản gì);

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Trần Văn G dài 109,7m; phía Nam giáp ông Nguyễn Đình C dài 112,4m; phía Tây giáp nương nước 721 dài 36.9m; phía Đông giáp nương nước do các hộ dân tự làm dài 33,5m.

[2]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc yêu cầu hộ ông Lê Duy T phải nộp vụ đông xuân 2016 – 2017 sản lượng là 318 kg thóc khô và sản lượng giao khoán vụ mùa 2017 là 349 kg thóc khô và lãi suất phát sinh khi chậm

thực hiện nghĩa vụ thanh toán do đã rút yêu cầu.

[3]. Về chi phí thẩm định:

Ông Lê Anh Đ, ông Lê Duy T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí thẩm định đã nộp, sau khi thu được của ông Lê Anh Đ, ông Lê Duy T.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Anh Đ, ông Lê Duy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng giao nhận khoán.

- Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0004306 nộp ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Duy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Lê Duy T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013464 ngày 29/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông Lê Duy T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr